

VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

• Lê Thị Hồng Hạnh^(*), Phạm Hữu Nghị^(**)

Tóm tắt

Bài viết đề cập đến khái niệm, nhu cầu, quan điểm và ứng dụng của công tác xã hội trong phát triển nông thôn. Từ đó góp phần cung cấp cơ sở lý luận chung về công tác xã hội trong phát triển nông thôn, làm căn cứ khoa học cho định hướng đào tạo và vận dụng công tác xã hội trong lĩnh vực phát triển nông thôn ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Công tác xã hội, phát triển nông thôn, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một quốc gia có nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Theo thống kê đến ngày 01/4/2014, nông thôn Việt Nam có tỷ lệ dân số chiếm 66,92% dân số của cả nước [13]. Vì vậy, phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở Việt Nam có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước nói chung và việc cải thiện điều kiện sống về kinh tế, xã hội cho những cư dân vùng nông thôn nói riêng. Nhận biết được tầm quan trọng đó, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn nhằm “cởi trói và thúc đẩy” sự phát triển kinh tế, xã hội nông thôn. Chính sách “tam nông” được cụ thể hóa trong Nghị quyết 26-NQ/TU của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ban hành ngày 05/8/2008 là nền tảng quan trọng để phát triển nông nghiệp, nông thôn. Sau những đổi mới mạnh mẽ, hiện nay “xã nông thôn mới” của Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về mặt kinh tế cũng như cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, phát triển nông thôn (PTNT) ở Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn và thách thức, chẳng hạn như tình trạng cơ sở hạ tầng thấp kém; nghèo đói; không đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục; nhiều nông hộ vẫn còn chưa có nước sạch sinh hoạt, nhà tắm và nhà xí hợp vệ sinh; môi trường bị ô nhiễm; đạo đức bị băng hoại và xuất hiện nhiều tệ nạn xã hội... [3], [17]. Những khó khăn, thách thức trên đã tác động đến hiệu quả của nhiều chính sách PTNT, cản trở việc thực hiện quyền con người và kim hãm vị thế kinh tế, xã hội của cư dân vùng nông thôn, làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội, thậm chí là cả xung đột xã hội.

Ngày nay, với sự ra đời và phát triển của nghề công tác xã hội (CTXH), những khó khăn, thách thức trong quá trình PTNT ở Việt Nam đã trở thành vấn đề và đối tượng của CTXH. Đánh giá một cách cụ thể thì CTXH có vai trò quan trọng trong quá trình đô thị hóa ở nông thôn, nhằm phối hợp với các chuyên gia phát triển kinh tế và các nhà làm công tác quy hoạch nông thôn để đáp ứng nhu cầu về nhà ở, việc làm cho người nghèo, người yếu thế và giải quyết các vấn đề xã hội trong nền kinh tế hiện đại [17]. Tuy nhiên, về mặt khoa học, CTXH trong PTNT vẫn còn là một lĩnh vực khoa học khá mới mẻ, hệ thống cơ sở lý luận vẫn chưa được định hình cụ thể mà mới chỉ được thể hiện trong một số bài giảng của các trường đại học có đào tạo ngành PTNT. Còn trong thực tiễn, CTXH cũng chưa được quan tâm nghiên cứu và vận dụng hiệu quả.

Từ những trình bày trên, có thể thấy rằng, thực tiễn đào tạo và thực hành CTXH đang đặt ra yêu cầu về nghiên cứu một cách cụ thể, có hệ thống vấn đề CTXH trong PTNT trên cơ sở tổng kết lý luận và thực tế nhằm hỗ trợ cho công tác đào tạo nhân viên CTXH, phối hợp với chuyên gia PTNT thúc đẩy giải quyết các vấn đề xã hội tại các vùng nông thôn.

2. Một số khái niệm

2.1. Nông thôn

Nông thôn là một thuật ngữ được sử dụng để phân vùng lãnh thổ của các quốc gia. Hiện nay, trên thế giới thuật ngữ nông thôn được định nghĩa theo nhiều quan điểm và tiêu chí khác nhau. Có nhiều cách hiểu về nông thôn được xây dựng dựa trên chỉ tiêu dân số, mật độ dân cư, vùng chủ yếu làm nông nghiệp và thiết chế xã hội. Tuy nhiên cũng có cách hiểu về nông thôn được xây dựng dựa trên chỉ tiêu kết cấu cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất hàng hóa hoặc những quan điểm kết hợp tất cả các tiêu chí trên.

^(*) Trường Đại học An Giang.

^(**) Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Học viện Khoa học xã hội.

Đại diện cho tiêu chí về dân số, mật độ dân cư và nghề nghiệp là quan điểm quản lý của chính phủ Việt Nam. Theo Quyết định số 132-HĐBT ngày 5/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị thì khu vực nông thôn được hiểu là địa bàn dân cư có số lượng dân tập trung dưới 4.000 người, mật độ dân cư ít hơn 6.000 người/km² và tỉ lệ lao động phi nông nghiệp dưới 60%, tức là tỉ lệ lao động nông nghiệp đạt từ 40% trở lên. Khi bàn luận về chương trình xây dựng nông thôn, Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định “vùng/khu vực nông thôn là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn, được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là Ủy ban nhân dân xã” (Điều 1- Thông tư số 54/TT - Bộ Nông nghiệp và PTNT ngày 21/8/2009) [12]. Cách hiểu trên đúng với thực tế của Việt Nam nhưng mới chú trọng đến vấn đề quản lý và ranh giới giữa đô thị và nông thôn.

Đại diện cho chỉ tiêu kết cấu cơ sở hạ tầng hay phát triển sản xuất hàng hóa là quan điểm của các tác giả Mai Thanh Cúc, Trương Văn Tuyển. Theo đó, nông thôn Việt Nam được hiểu là “vùng sinh sống của tập hợp cư dân, trong đó có nhiều nông dân. Tập hợp cư dân này tham gia vào các hoạt động kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường trong một thể chế chính trị nhất định và chịu ảnh hưởng của các tổ chức khác” [3, tr. 11]. Với cách hiểu này, nông thôn không chỉ được biết đến thông qua ranh giới khu vực mà còn được biết đến thông qua sự tham gia của con người trong các lĩnh vực tạo ra của cải vật chất và tinh thần tại nơi cư trú. Tuy nhiên, các quan điểm trên vẫn chưa thể hiện được trình độ phát triển và mức độ tiếp cận với các dịch vụ xã hội của cư dân nông thôn.

Đại diện cho sự kết hợp của nhiều tiêu chí là quan điểm của tác giả Vũ Thị Bình (2006) [1]; Hoàng Văn Định và Vũ Đình Thắng (2002) [6], Đỗ Kim Chung (2009) [5]. Theo đó, nông thôn là vùng khác với đô thị bởi ở đó có cộng đồng chủ yếu là nông dân sinh sống và làm nông nghiệp, có mật độ dân cư thấp hơn; có kết cấu hạ tầng kém phát triển hơn; có mức độ phúc lợi xã hội thua kém hơn; có trình độ dân trí, trình độ tiếp cận thị trường và sản xuất hàng hóa thấp hơn. Nói một cách khác thì nông thôn bao gồm cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa, tài nguyên thiên nhiên, tổ chức

và thể chế, công nghệ và hạ tầng cơ sở. Cách tiếp cận này tương đối toàn diện, bởi lẽ các quan điểm xem xét nông thôn với nhiều tiêu chí quan trọng, đặc biệt là bao hàm được nhiều vấn đề của đời sống xã hội ở khu vực nông thôn hiện nay.

Tóm lại, nông thôn là thuật ngữ cần được hiểu một cách bao quát với mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội kể cả đặc điểm dân cư, mật độ, hạ tầng, môi trường - tài nguyên thiên nhiên, tính cố kết cộng đồng, phong tục tập quán, tín ngưỡng truyền thống và những đặc trưng riêng biệt của nó.

Trên cơ sở quan niệm về nông thôn của các tác giả trước đó, nghiên cứu sử dụng khái niệm nông thôn sau: Nông thôn là khu vực sinh sống trong đơn vị làng xã của chủ yếu cư dân làm nông nghiệp, nơi đây có tài nguyên thiên nhiên phong phú nhưng có sự cách biệt về phát triển đối với khu vực thành thị (có cơ sở hạ tầng kém phát triển, các dịch vụ xã hội hạn chế, trình độ dân trí và khả năng tiếp cận thị trường, sản xuất hàng hóa thấp). Tập hợp cư dân này cùng chia sẻ và chịu ràng buộc bởi những đặc điểm và lợi ích chung như phong tục tập quán, văn hóa, tín ngưỡng, tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống.

Hiện nay, nông thôn được xây dựng theo một mô hình mới, gọi tắt là nông thôn mới. Nông thôn mới là nông thôn có hạ tầng kinh tế - xã hội văn minh hiện đại, sản xuất phát triển bền vững theo hướng kinh tế hàng hóa, dân trí, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao, an ninh được đảm bảo nhưng vẫn giữ được nét đẹp truyền thống của nông thôn Việt Nam (giá trị văn hóa, môi trường sinh thái) (Nghị quyết số 26 - NQ/TW ngày 5/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X).

2.2. Phát triển

Phát triển bao hàm nhiều vấn đề rộng lớn và phức tạp. Điều này có nghĩa là phát triển được hiểu với nhiều nghĩa khác nhau tùy vào từng lĩnh vực cụ thể như phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, phát triển xã hội, phát triển chính trị hay PTNT, phát triển thị trường, phát triển đô thị, phát triển giáo dục, phát triển cộng đồng, phát triển hội nhập, phát triển phụ nữ... Tuy nhiên, nếu chỉ xem xét phát triển ở một góc độ hay một lĩnh vực thì phát triển đó chỉ là điều kiện cần mà chưa phải là điều kiện đủ cho sự phát triển toàn diện của một xã

hội nói chung hay một con người nói riêng.

Xét về mặt lịch sử, quan niệm về phát triển được thay đổi theo thời gian. Theo tác giả Bùi Đình Thanh, thuật ngữ phát triển ra đời ở Mỹ với nghĩa là “văn minh”. Đến những năm 30 của thế kỷ XX, thuật ngữ phát triển được gắn với kinh tế và đến những năm 70 của thế kỷ XX, phát triển được mở rộng thêm nhiều lĩnh vực khác như phát triển nội sinh, phát triển cộng đồng, phát triển hội nhập, phát triển về sinh thái, phát triển xã hội chủ nghĩa. Cho đến những năm 80 của thế kỷ XX, phát triển được hiểu là sự phát triển kinh tế gắn với sự phát triển con người [16].

Theo nghĩa tổng quát nhất, hiện nay thuật ngữ phát triển được hiểu là sự tăng trưởng, đặc biệt là sự tăng trưởng kinh tế cùng với sự biến chất xã hội theo chiều hướng tiến bộ xã hội, nghĩa là theo hướng đúng hơn, tốt hơn và đẹp hơn. Hay nói cách khác, phát triển có thể được hiểu là một quá trình thay đổi liên tục làm tăng trưởng mức sống của con người và phân phối công bằng những thành quả tăng trưởng trong xã hội [1], [16], [10], [3], [11].

Còn theo nghĩa hẹp, thuật ngữ phát triển được gắn với từng lĩnh vực cụ thể như phát triển nông nghiệp hoặc nông thôn, văn hóa, kinh tế... Theo đó phát triển được hiểu là sự tăng trưởng về kinh tế hoặc là hiện đại hóa hay sự nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Dù với nghĩa rộng hay nghĩa hẹp, thuật ngữ phát triển không chỉ quan tâm đến sự tăng trưởng kinh tế mà còn cần phải đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, tiến bộ xã hội và bền vững về môi trường. Nếu phát triển chỉ chú trọng đến tăng trưởng kinh tế đơn thuần thì mới thể hiện được một phần, một yếu tố chưa đầy đủ của phát triển [3], [1].

Tóm lại, phát triển là tạo điều kiện thỏa mãn nhu cầu sống cho con người, bao gồm thỏa mãn về mức tiêu thụ hàng hóa, về dịch vụ xã hội, về chất lượng cuộc sống, về văn hóa tinh thần, về môi trường sống và các quyền cơ bản khác nhưng không làm tổn hại đến môi trường sinh thái. Phát triển mang tính thời gian và so sánh.

2.3. Phát triển nông thôn

Thuật ngữ PTNT được đề cập với nhiều quan điểm khác nhau và thay đổi qua các thời kỳ. Ngân hàng thế giới đã đưa ra định nghĩa (1975) “PTNT

là một chiến lược nhằm cải thiện các điều kiện sống về kinh tế và xã hội của một nhóm người cụ thể - người nghèo ở vùng nông thôn. Nó giúp những người nghèo nhất trong những người dân sống ở các vùng nông thôn được hưởng lợi ích từ sự phát triển” [dẫn theo 3]. Đây là quan điểm mà nhiều tổ chức quốc tế đang vận dụng ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, một số quan điểm khác lại cho rằng PTNT không chỉ tập trung vào một nhóm người mà là phát triển tất cả các lĩnh vực cho dân cư vùng nông thôn. Theo đó, các tác giả này cho rằng, PTNT là phát triển tổng hợp tất cả các vấn đề gắn với đời sống của người dân và môi trường, không gian sống ở khu vực nông thôn (giáo dục, y tế, nhà cửa, dịch vụ công cộng và cơ sở vật chất, năng lực lãnh đạo và quản lý, phát huy giá trị các di sản văn hóa cũng như các vấn đề về kinh tế ngành nói riêng). Đây là một quá trình đa chiều hướng tới hội nhập bền vững trong tất cả các lĩnh vực (kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường). Đồng thời, PTNT cũng là một quá trình cải thiện có chủ ý, ổn định và bền vững với những thay đổi kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường (hướng tới hiện đại và sự thịnh vượng lâu dài của cả cộng đồng) [9], [15], [3], [1, tr.10].

Hiện nay, PTNT phải đảm bảo được sự phát triển bền vững. Điều này có nghĩa là quá trình phát triển kinh tế - xã hội nông thôn phải phù hợp với nhu cầu của con người, đảm bảo sự tồn tại bền vững và sự tiến bộ lâu dài trong nông thôn và cho cả quốc gia. Trong đó, nhấn mạnh đến hoạt động phát triển lấy người dân và cộng đồng làm trung tâm [4], [3], [15], [9], [5].

Như vậy, tuy khác nhau về cách định nghĩa, diễn đạt nhưng có thể nhận thấy một số đặc trưng căn bản về PTNT như sau: *Thứ nhất*, PTNT là những thay đổi cần thiết ở từng khu vực nông thôn và nó là một quá trình, chiến lược cải thiện; *Thứ hai*, PTNT là sự phát triển tổng hợp của các vấn đề, các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn (tiếp cận toàn diện); *Thứ ba*, PTNT phải có tính bền vững; *Thứ năm*, PTNT phải dựa trên lợi ích và sự tham gia của người dân và cộng đồng nông thôn, sự hợp tác giữa người dân, chính phủ và các tổ chức khác; *Thứ sáu*, PTNT phải hướng đến hội nhập.

Từ những khái niệm và phân tích trên, có thể

nhận thấy, PTNT là quá trình tác động có chủ ý đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội ở khu vực nông thôn nhằm tạo điều kiện thỏa mãn nhu cầu và cải thiện vị thế của cư dân nông thôn thông qua việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực có sẵn tại địa phương, góp phần vào sự bền vững và hội nhập của cả khu vực nông thôn và của đất nước. Trong giai đoạn hiện nay, PTNT được cụ thể hóa qua các chính sách, phong trào xây dựng nông thôn mới.

2.4. CTXH trong PTNT

CTXH là một ngành khoa học, một nghề chuyên môn được công nhận ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. CTXH theo đuổi mục tiêu vì hạnh phúc cho con người và tiến bộ xã hội. CTXH ở Việt Nam gắn liền với sự nghiệp đổi mới, sự phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế. CTXH có ba phương pháp thực hành chính, đó là CTXH cá nhân, CTXH nhóm, tổ chức và phát triển cộng đồng. Với mỗi một phương pháp thực hành, một lĩnh vực thực hiện, CTXH lại có những kỹ năng và kỹ thuật đặc trưng. Trong đó, phát triển cộng đồng và PTNT đều dựa trên nguyên lý lấy phát triển con người và cộng đồng làm trung tâm nhằm tạo ra các chuyển biến xã hội trong cộng đồng giúp cộng đồng nông thôn tăng năng lực, tiến tới tự lực cũng như góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, duy trì công bằng xã hội và bảo vệ tài nguyên môi trường ở khu vực nông thôn.

Trên cơ sở những quan niệm về nông thôn, phát triển và PTNT, nhóm tác giả đưa ra khái niệm: *CTXH trong PTNT là việc vận dụng phương pháp can thiệp của CTXH vào các hoạt động PTNT nhằm giúp cư dân nông thôn giải quyết các vấn đề trong quá trình phát triển thông qua việc kết nối, cung cấp các dịch vụ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có tại cộng đồng để thỏa mãn nhu cầu, cải thiện vị thế. Trong đó, phương pháp can thiệp của CTXH trong PTNT dựa trên phương pháp tổ chức và phát triển cộng đồng.*

3. Vai trò của CTXH trong PTNT Việt Nam hiện nay

3.1. Đặc điểm nông thôn và vai trò của CTXH trong PTNT Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia có khu vực nông thôn rộng lớn và đông dân nhất, nơi có tỷ lệ dân số chiếm 66,92% dân số của cả nước (tính đến 1/4/2014) [13]. Đặc biệt, đây cũng là nơi đa dạng về

thành phần tộc người, về văn hóa, đồng thời nông thôn cũng là nơi bảo tồn, lưu giữ các phong tục, tập quán của cộng đồng. Xét một cách cụ thể thì nông thôn Việt Nam có một số đặc điểm đặc thù sau:

- Nông thôn Việt Nam có một lượng tài nguyên thiên nhiên phong phú, điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái đa dạng, bao gồm tài nguyên đất, nước, khí hậu, rừng, sông suối, ao hồ, khoáng sản, hệ động thực vật.

- Cư dân chủ yếu là nông dân và làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, các ngành nghề sản xuất kinh doanh, dịch vụ phi nông nghiệp. Trong các làng xã truyền thống, sản xuất nông nghiệp là nguồn sinh kế chính của đại bộ phận nông dân. Hiện nay, các vùng nông thôn của Việt Nam được phát triển theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa, do đó cư dân cư trú thực hiện nhiều hoạt động kinh tế khác nhau, gồm cả sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

- Cư dân nông thôn có mối quan hệ họ tộc và gia đình chặt chẽ với những quy định cụ thể. Đặc biệt ở nhiều vùng nông thôn, tính cố kết cộng đồng rất bền chặt.

- Vùng nông thôn Việt Nam lưu giữ và bảo tồn nhiều di sản văn hóa của quốc gia như các phong tục, tập quán về đời sống, văn hóa, lịch sử, danh lam thắng cảnh. Đây chính là nơi chứa đựng kho tàng văn hóa dân tộc, đồng thời là nơi giải trí và du lịch hấp dẫn.

Hiện nay, cùng với sự phát triển lớn mạnh về kinh tế, nông thôn và nông dân Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều vấn đề trong quá trình phát triển. Tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn của Việt Nam chiếm khoảng 92,29% so với tổng số hộ nghèo cả nước [2]. Bên cạnh đó, phần lớn các vùng nông thôn ở Việt Nam có hạ tầng cơ sở kém, sản xuất nông nghiệp nhiều rủi ro, đời sống nông dân còn khó khăn, người dân nhiều vùng nông thôn có tư tưởng ỷ lại, không dựa trên nội lực và sức mạnh của cộng đồng, năng lực sản xuất vẫn còn thấp... [7]. Sự cách biệt giữa các vùng nông thôn và thành thị ngày càng nhiều [15]. Sự suy thoái nguồn tài nguyên và ô nhiễm môi trường cũng như nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa của các cộng đồng dân tộc đang là thách thức của quá trình phát triển [18]. Tình trạng trên đã khiến cho cư dân nông thôn Việt

Nam phải gánh chịu nhiều vấn đề về nghèo đói, việc làm, di cư, ô nhiễm môi trường, thiếu đất sản xuất, thiếu nước sạch, thiếu an toàn do xuất hiện các tệ nạn xã hội... và thiếu cả cơ hội tiếp cận với các dịch vụ xã hội so với cư dân đô thị. Theo một khảo sát của Nguyễn Thị Thu Hà năm 2013 về “Đổi mới CTXH trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế - lý luận và thực tiễn” thì lĩnh vực CTXH với xóa đói, giảm nghèo, trong đó có xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn được đa số cán bộ CTXH cho rằng là lĩnh vực đang có nhu cầu cao nhất tại Việt Nam hiện nay (51,6%). Đồng thời, nếu so sánh nhu cầu và lĩnh vực đang hoạt động mạnh nhất thì CTXH với phát triển cộng đồng đang trong trường hợp cung không đủ cầu (35,0% so với 44,8%) [8].

Để giải quyết các vấn đề trong xã hội nông thôn cũng như tiến tới giảm khoảng cách phát triển giữa vùng nông thôn và đô thị, các chương trình giảm nghèo và PTNT đã được xây dựng, triển khai. Có thể nói, các chương trình PTNT là những chương trình rộng lớn và phức tạp, liên quan đến chính sách quốc gia và của từng địa phương. Hiện nay, các chương trình PTNT, mà cụ thể là chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được thiết kế theo hướng dựa trên nhu cầu và năng lực của chính cộng đồng nông thôn. Tuy nhiên để cộng đồng nông thôn khơi dậy được năng lực của mình, tự tìm các giải pháp để xây dựng nông thôn mới một cách bền vững lại là điều không đơn giản [9]. Bởi lẽ, trên thực tế có nhiều cộng đồng nông thôn đã quen sống dựa vào sự hỗ trợ của nhà nước hoặc không đủ khả năng và cơ hội để tiếp cận với các nguồn lực xã hội trong việc giải quyết vấn đề của mình. Những vấn đề trên chính là đối tượng làm việc của ngành CTXH. Với triết lý lấy nguồn lực bên trong của cộng đồng làm động lực của sự phát triển, CTXH với cộng đồng chính là phương pháp đáp ứng được yêu cầu về việc phát huy hơn nữa vai trò chủ thể của cư dân nông thôn mà các chỉ thị, nghị quyết của Chính phủ về PTNT đã đề cập.

Như vậy, thực tế trên cho thấy Việt Nam đang có nhu cầu về CTXH trong PTNT. Điều này có nghĩa là chương trình PTNT ở Việt Nam rất cần thiết phải vận dụng các phương pháp can thiệp khoa học của CTXH trong quá trình giải quyết vấn đề ở khu vực nông thôn nhằm đem lại hiệu quả bền

vững. Và hoạt động của CTXH trong PTNT không chỉ giới hạn ở việc hỗ trợ hiệu quả cho việc thực hiện các chương trình xây dựng nông thôn mà còn cùng với cán bộ PTNT hỗ trợ cư dân giải quyết các vấn đề xã hội đang tồn tại hoặc phòng ngừa những vấn đề có thể xảy ra đối với cộng đồng nông thôn. Với vai trò và vị trí của mình, CTXH hiện nay được coi là nhân tố nòng cốt trong các chiến lược giảm nghèo và phát triển bền vững vùng nông thôn ở Việt Nam.

3.2. Quan điểm về CTXH trong PTNT ở Việt Nam

Thực tiễn cho thấy, phương pháp can thiệp của CTXH trong PTNT ở Việt Nam là phương pháp phát triển cộng đồng và thường được tập trung chủ yếu tại những khu vực nông thôn nghèo, kém phát triển. Vì vậy, có thể khẳng định CTXH trong PTNT ở Việt Nam đã được du nhập từ những năm đầu thập niên 50 của thế kỷ XX, nhưng cho đến nay đây vẫn là một lĩnh vực khá mới mẻ. Đặc biệt, hệ thống cơ sở lý luận phản ánh thực trạng của hoạt động CTXH trong PTNT vẫn chưa được định hình.

Trong thời kỳ trước đổi mới đất nước, khi mà CTXH chưa được chính thức thừa nhận như một nghề chuyên nghiệp tại Việt Nam, hoạt động của phát triển cộng đồng trong PTNT phổ biến là theo hướng từ trên xuống, tức là dựa vào năng lực chuyên môn của các chuyên gia đến từ bên ngoài thay vì dựa vào nội lực của cộng đồng nông thôn [11], [14]. Với quan điểm tập trung giải quyết các vấn đề khó khăn, nhu cầu và sự thiếu hụt của cộng đồng cư dân nông thôn nên các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách PTNT thường tìm các giải pháp để bù đắp cho những khó khăn của cộng đồng. Đặc biệt, tại các vùng dự án, các nhà tài trợ thường chú ý vào việc điều tra nhu cầu, phân tích hiện trạng để phát hiện những vấn đề cần làm cho cư dân nông thôn và thực hiện sứ mệnh hay chủ đích của tổ chức mình. Chính điều này đã khiến người dân được xem như là những khách hàng tiêu thụ sản phẩm của các chương trình phát triển từ chính phủ hoặc các tổ chức phát triển. Và cư dân nông thôn tồn tại tư tưởng xem trọng các hỗ trợ từ bên ngoài hơn là nguồn lực sẵn có từ bên trong. Điều này dẫn đến sự tan rã dần các mối quan hệ liên kết cộng đồng cũng như không khai thác được nội lực và khả năng nội tại của người dân ở nông thôn [18].

Vì vậy, nhiều chương trình dự án phát triển cộng đồng nông thôn trong giai đoạn này đã thất bại do sự thiếu hụt ý chí và nỗ lực của người dân. Cách thực hiện áp đặt từ trên xuống đã khiến cho cộng đồng nông thôn đứng ngoài các chương trình, dự án và thụ động thực hiện các hoạt động đã được đề ra. Đáng chú ý là cách thực hiện này còn khiến cho tính bền vững của các hoạt động không được duy trì sau khi các dự án kết thúc và rút khỏi cộng đồng.

Sau đổi mới (thập niên 80 - 90 của thế kỷ XX), các nhà nghiên cứu và thực hành CTXH cộng đồng nhận thấy nhiều điểm hạn chế trong quan điểm phát triển dựa vào nhu cầu, đồng thời họ cũng được kế thừa những kiến thức mới từ những nhà nghiên cứu lý luận và thực tiễn trên thế giới. Lúc này, hoạt động CTXH trong PTNT ở Việt Nam đã chú trọng hơn đến sự tham gia của người dân trong tiến trình ra quyết định cũng như trong việc thực hiện các chương trình phát triển [18], [14]. Với quan điểm này, người dân nông thôn có khả năng tự tổ chức, thông qua tổ chức của riêng họ, họ có khả năng xác định nhu cầu của mình, chia sẻ thiết kế, thực hiện và lượng giá hành động cùng tham gia (FAO, 1982). Và các công cụ trong phương pháp điều tra nông thôn có sự tham gia (PRA), hành động - học tập có sự tham gia (PLA) là các công cụ chính của quan điểm tiếp cận này. Quan điểm tiếp cận có sự tham gia của CTXH cộng đồng phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay, đó là Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn “dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra”. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển xuất hiện những nhóm người dễ bị tổn thương, mà trong đó vấn đề nghèo đói là vấn đề nan giải ở hầu hết khu vực nông thôn. Nguyên nhân gốc rễ của đói nghèo là do còn có các bất công, tồn tại sự phân biệt đối xử. Vì vậy, CTXH cộng đồng đã áp dụng quan điểm về quyền con người để phân tích các nguyên nhân gốc rễ của sự tổn thương và chỉ ra phạm vi trách nhiệm của các bên liên quan. Với quan điểm này các chuẩn mực, nguyên tắc, tiêu chuẩn về quyền con người sẽ được lồng ghép vào kế hoạch và quá trình của công tác phát triển. Trọng tâm của quan điểm tiếp cận dựa trên quyền con người là tập trung vào nhóm dễ tổn thương và nguyên nhân gốc rễ của vấn đề, mối quan hệ giữa cơ quan công quyền và người mang quyền để từ đó trao quyền và nâng cao

năng lực cho những nhóm người dễ bị tổn thương [18], [14].

Đến nay (cuối những năm 90 của thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI), CTXH được coi trọng, phát triển và trở thành một nghề chính thức ở Việt Nam, quan điểm thực hiện CTXH trong PTNT cũng được chuyển dịch theo hướng từ trên xuống sang từ dưới lên. Quan điểm này có nghĩa là trao quyền tự chủ cho cộng đồng, các tổ chức bên ngoài cộng đồng chỉ đóng vai trò hỗ trợ, thúc đẩy hoặc cầu nối. Và triết lý của quan điểm tiếp cận từ dưới lên là lấy dân làm gốc, khơi dậy tất cả tiềm năng, sự tham gia tích cực và tăng cường quyền lực của cộng đồng nông thôn trong quá trình phát triển. Hiện nay, quan điểm phát triển dựa vào nguồn lực và cộng đồng tự điều hành là hai cách tiếp cận hiện đại của CTXH cộng đồng [14], [18]. Trong đó, bộ công cụ để nghiên cứu và thực hành CTXH cộng đồng dựa vào nội lực (ABCD: Assets based for community development) là công cụ chính của quan điểm tiếp cận này. Quan điểm này thường tiếp cận đến nguồn lực đang tồn tại trong các mối quan hệ xã hội, các tổ chức liên kết cùng những mạng lưới xã hội chính thức và không chính thức. Đồng thời, quyền lực sẽ được trao cho người dân trong cộng đồng qua hình thức tạo cơ hội cho họ tham gia tích cực vào quá trình phát triển chung của cả cộng đồng [18]. Với quan điểm tiếp cận dựa vào nguồn lực và cộng đồng tự điều hành thì mọi khía cạnh của đời sống xã hội sẽ được phát triển đồng bộ, người dân thay đổi về nhận thức, hành vi và các mối tương quan trong cộng đồng, từ đó góp phần phát triển bền vững khu vực nông thôn. Tuy nhiên, những hoạt động PTNT ở nước ta vẫn chưa thực sự tiếp cận theo phương pháp phát triển cộng đồng. Người dân có tham gia hưởng ứng nhưng chưa mang tính chủ động. Các chương trình chỉ tập trung vào nhiệm vụ và mục tiêu mà ít quan tâm đến việc xây dựng và phát huy năng lực cho cộng đồng. Người dân trong cộng đồng chưa có khả năng tự xây dựng dự án phát triển trên cơ sở nhu cầu và tiềm lực của địa phương [18].

Như vậy, lịch sử phát triển đã chứng minh, có nhiều quan điểm và cách tiếp cận về CTXH cộng đồng trong PTNT. Các quan điểm và cách tiếp cận rất phong phú do được hình thành từ tính đa dạng của thực tiễn và sự du nhập từ hệ thống lý thuyết

CTXH phát triển cộng đồng ở các nước phát triển. Theo tiến trình thời gian, các quan điểm luôn được điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh thực tế của xã hội. Và trong một chương trình phát triển có thể áp dụng một hay nhiều quan điểm khác nhau để đem lại hiệu quả và sự phát triển bền vững cho từng khu vực dân cư.

3.3. Nguyên tắc hoạt động của CTXH trong PTNT

Để vận dụng hiệu quả các công cụ, kỹ thuật của phương pháp can thiệp CTXH cộng đồng trong PTNT, tác viên PTNT phải tuân thủ các nguyên tắc chính sau:

Thứ nhất, thực hiện các chương trình PTNT phải bắt đầu từ nhu cầu, tài nguyên và khả năng của chính người dân trong cộng đồng. Điều này có nghĩa là, các chương trình, dự án PTNT phải nhằm đáp ứng được nhu cầu cấp thiết và cần thiết của cư dân nông thôn. Mỗi một khu vực nông thôn lại có những nhu cầu cần được thỏa mãn khác nhau và nhu cầu này có thể khác với nhu cầu của nhà tài trợ hoặc chính quyền địa phương. Vì vậy, hoạt động phát triển tại mỗi khu vực nông thôn cần phải xuất phát từ yếu tố nội tại của người dân, từ những nguồn tài nguyên và năng lực, kinh nghiệm mà người dân có. Những hỗ trợ bên ngoài như chuyên môn, kỹ thuật và tài chính... rất cần thiết nhưng chỉ được xem là chất xúc tác giúp cư dân nông thôn tham gia tích cực và có trách nhiệm trong quá trình phát triển.

Thứ hai, tin tưởng vào người dân, vào khả năng thay đổi và phát triển của cộng đồng nông thôn. Với nguyên tắc này, tác viên PTNT phải luôn tin rằng cư dân nông thôn dù có nghèo, khó khăn, trình độ hạn chế thì họ luôn có kinh nghiệm, óc sáng tạo, tính gắn bó, khả năng quản lý và mong muốn được thay đổi cuộc sống cộng đồng. Nhận thức được nguyên tắc trên, tác viên PTNT vận dụng CTXH trong PTNT mới không làm thay, làm hộ người dân mà cùng sống, cùng làm với người dân và khuyến khích họ một cách kịp thời. Từ đó, quá trình phát triển mới huy động được sức mạnh vật chất và tinh thần của cả cộng đồng nông thôn.

Thứ ba, khuyến khích người dân cùng tham gia, dành quyền tự quyết cho cư dân nông thôn. Sự tham gia là yếu tố cơ bản của đường lối CTXH cộng đồng. Điều này nhấn mạnh rằng, các chương trình dự án phát triển muốn thành công và bền vững

phải khuyến khích được sự tham gia đầy đủ, tích cực của người dân vào các hoạt động. Mọi hành động của tác viên PTNT và lãnh đạo cộng đồng chỉ được xuất phát dựa trên cơ sở ý kiến của người dân. Khi người dân được tham gia thảo luận, bàn bạc, đưa ra quyết định, lựa chọn giải pháp thì họ sẽ là người làm đến cùng và cảm thấy có trách nhiệm với quyết định của bản thân và cộng đồng. Đồng thời, thông qua những hoạt động này, cư dân nông thôn được tăng cường năng lực và khả năng đối phó với các tình huống có vấn đề.

Thứ tư, bắt đầu từ những hoạt động nhỏ. Đối tượng của CTXH trong PTNT là những vấn đề của cư dân nông thôn nơi mà trình độ phát triển, kiến thức và kỹ năng của người dân còn hạn chế so với cư dân khu vực thành thị. Do đó, để cư dân nông thôn có thể tự tin tham gia vào các hoạt động PTNT thì họ cần được khuyến khích tham gia từ những hoạt động nhỏ, đơn giản. Với những hoạt động này, người dân sẽ dần dần tự tin trong điều hành và quản lý để đạt được thành công. Đây cũng là nguyên tắc nhằm tăng năng lực cho cộng đồng.

Thứ năm, tạo nhiều cơ hội để người dân hợp tác, tương trợ lẫn nhau, đặc biệt là các nhóm cư dân yếu thế trong cộng đồng nông thôn. Khởi gợi tính cố kết và truyền thống tương trợ của cư dân nông thôn bằng các hoạt động chung, mang tính cộng đồng, làng xã nhằm giúp các thành viên trong cộng đồng tăng khả năng hợp tác, phối hợp cùng đạt mục tiêu chung. Đặc biệt, trong việc thực hiện các hoạt động chung cần ưu tiên nhóm cư dân yếu thế trong cộng đồng, khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động chung cũng như khuyến khích những thành viên mạnh trong cộng đồng hướng dẫn, hỗ trợ những người yếu thế.

Thứ sáu, mở rộng các hình thức liên kết trong và ngoài cộng đồng nông thôn. Xây dựng mạng lưới liên kết các nguồn lực là một trong những nguyên tắc đem lại hiệu quả cho các chương trình PTNT. Khi vận dụng được nguyên tắc này trong quá trình triển khai các hoạt động tại khu vực nông thôn sẽ tạo thêm sức mạnh và tiếng nói của cư dân nông thôn trong việc trao đổi, tận dụng các nguồn lực cũng như đề xuất các giải pháp hoặc thậm chí là cả chính sách.

Thứ bảy, đảm bảo những đặc điểm của mỗi khu vực nông thôn (sự khác biệt vùng, miền). Mỗi

khu vực nông thôn có nhu cầu khác nhau, có đặc điểm văn hóa, truyền thống, dân tộc, tôn giáo, vị trí địa lý - kinh tế - xã hội, trình độ, thái độ và nguồn lực khác nhau. Việc cá biệt hóa từng khu vực nông thôn sẽ giúp cho tác viên PTNT có quan điểm và phương pháp, kỹ thuật can thiệp đặc thù khác nhau. Thực hiện nguyên tắc này chính là đảm bảo lợi ích thiết thực của từng nhóm cộng đồng, huy động được sự tham gia của người dân, khắc phục được tính bảo thủ, quan liêu và cứng nhắc trong quá trình hỗ trợ cư dân nông thôn phát triển.

Thứ tám, đảm bảo tính công bằng và dân chủ trong mọi hoạt động phát triển. Chỉ khi thực hiện được nguyên tắc này thì hoạt động phát triển mới mang lại lợi ích cho các thành viên trong cộng đồng. Từ đó, sự tham gia và năng lực của cộng đồng càng được nâng cao.

Thứ chín, tuân thủ theo tiến trình. Mọi phương pháp tiếp cận trong quá trình PTNT cần tuân thủ tiến trình của CTXH. Nếu không thực hiện theo tiến trình đã xây dựng trước đó thì mọi hoạt động sẽ trở nên lộn xộn, mất phương hướng và khó đạt được mục tiêu đề ra.

3.4. Ứng dụng CTXH trong PTNT

CTXH trong PTNT cung cấp cho cư dân vùng nông thôn các dịch vụ thông qua hình thức tiếp cận tổng hợp. Tiếp cận tổng hợp ở đây có nghĩa là cung cấp dịch vụ trên tất cả các đối tượng và các lĩnh vực. Ở mỗi quốc gia, nội dung của CTXH trong PTNT được xác định khác nhau tùy vào điều kiện thực tế. Trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam, tác viên PTNT cần cùng nhà hoạch định PTNT thực hiện những nội dung chính sau đây:

Thứ nhất, cùng các nhà hoạch định PTNT và cộng đồng nông thôn xác định nhu cầu, lập kế hoạch phát triển, tạo môi trường thuận lợi cho cư dân nông thôn phát triển (vận động chính sách) và đánh giá quá trình PTNT.

Thứ hai, trang bị kiến thức, kỹ năng, thái độ cho cộng đồng nông thôn để hành động chung nhằm giải quyết hoặc thực hiện các chương trình phát triển tại cộng đồng. Nội dung đào tạo cộng đồng nông thôn có thể liên quan đến kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường, sức khỏe, sinh kế, xây dựng cơ sở hạ tầng...

Thứ ba, tổ chức xây dựng cộng đồng nông thôn gắn kết và bền vững. Tác viên PTNT sử dụng

những công cụ, kỹ thuật để tổ chức các hoạt động trợ giúp theo một tiến trình cụ thể nhằm khuyến khích sự tham gia chủ động của cư dân nông thôn vào quá trình phát triển. Từ đó, tăng sức mạnh cho cộng đồng nông thôn trong việc tự quyết định về sự phát triển của mình và sự định hình của tương lai.

Thứ tư, tìm kiếm và kết nối các nguồn tài trợ phát triển kinh tế gia đình, sinh kế bền vững và hỗ trợ giải quyết vấn đề, đáp ứng nhu cầu phát triển. Kết nối cư dân nông thôn với các tổ chức tại địa phương, chính quyền và các tổ chức cũng như nguồn lực từ bên ngoài. Đồng thời, hỗ trợ họ xây dựng mạng lưới liên kết để phát triển.

Thứ năm, hỗ trợ giải quyết các vấn đề về việc làm, dạy nghề, giảm nghèo, chức năng gia đình, vấn nạn cá nhân và đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cư dân nông thôn như cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội nông thôn, bảo vệ môi trường...

Thứ sáu, nghiên cứu khu vực nông thôn để khám phá và hệ thống hóa tri thức, các mô hình chung liên quan đến các vấn đề cụ thể và nhóm yếu tố nhằm vận động, huy động, tổ chức, cải thiện và phát triển các chính sách, chương trình và dịch vụ. Điều này có nghĩa là phát hiện những vấn đề, lỗ hổng của các chương trình, dịch vụ xã hội và chính sách để đề xuất những chính sách phù hợp, đáp ứng nhu cầu của cộng đồng.

4. Kết luận

PTNT và CTXH có chung quan điểm về “lấy dân làm gốc” và cùng vận dụng các bộ công cụ nhằm huy động sự tham gia, huy động nguồn lực của cộng đồng. Với những khó khăn và thách thức của quá trình PTNT, đặc biệt là với những mục tiêu, yêu cầu của chương trình xây dựng nông thôn mới cho thấy CTXH có vai trò vô cùng quan trọng. Bởi lẽ, nó không chỉ giúp cho cư dân nông thôn nâng cao được năng lực và khả năng tự lực trong việc giải quyết vấn đề của cộng đồng, vượt qua khó khăn thách thức để hội nhập với khu vực và quốc tế mà còn thúc đẩy quá trình PTNT diễn ra nhanh chóng, hiệu quả và bền vững hơn. Nói cách khác, CTXH trong PTNT chính là một lĩnh vực can thiệp của CTXH chuyên nghiệp ở khu vực nông thôn. Do đó, Việt Nam cần có cơ chế, chính sách về phát triển CTXH trong PTNT cũng như đào tạo bài bản, chuyên sâu về lĩnh vực này nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho khu vực nông thôn Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Vũ Thị Bình, Nguyễn Thị Vòng, Đỗ Văn Nhạ (2006), *Giáo trình Quy hoạch PTNT*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- [2]. Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam (10/2015), “Phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2014”, <http://dangcongsan.vn/chuong-trinh-135-va-cac-chuong-trinh-du-an-giam-ngheo/phe-duyet-ket-qua-dieu-tra-ra-soat-ho-ngheo-ho-can-ngheo-nam-2014-350670.html>.
- [3]. Mai Thanh Cúc, Quyền Đình Hà, Nguyễn Thị Tuyết Lan, Nguyễn Trọng Đắc (2005), *Giáo trình PTNT*, Trường Đại học Nông nghiệp, Hà Nội.
- [4]. Hoàng Văn Cường (2002), *Mối quan hệ giữa các biến kinh tế và biến dân số trong phát triển các vùng nông thôn Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [5]. Đỗ Kim Chung (2009), *Vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa hiện nay: Quan điểm và những định hướng chính sách*, Hội thảo các Trường Đại học Việt Nam - Trung Quốc, Vấn đề Nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tháng 12 năm 2009, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- [6]. Hoàng Văn Định và Vũ Đình Thắng (2002), *Giáo trình Kinh tế PTNT*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [7]. Trần Thanh Giang (9/2015), “Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề “tam nông” trong giai đoạn hiện nay”, *Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam*, <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/tu-lieu-ve-dang/gioi-thieu-van-kien-dang/doc-093020159530246.html>.
- [8]. Nguyễn Thị Thu Hà (2013), *Đổi mới CTXH trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế - lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9]. Hồ Xuân Hùng (Vũ Văn Phúc chủ biên) (2012), *Xây dựng nông thôn mới là sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng và Nhân dân ta, Xây dựng nông thôn mới - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10]. Phí Thị Hồng Minh (2005), *Bài giảng phát triển cộng đồng (dùng cho sinh viên ngành khuyến nông và PTNT)*, Đại học Nông lâm Thái Nguyên.
- [11]. Nguyễn Hữu Nhân (2004), *Phát triển cộng đồng*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [12]. Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [13]. Tổng cục Thống kê (9/2015), *Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ thời điểm 1/4/2014, các kết quả chủ yếu*, Hà Nội.
- [14]. Trịnh Văn Tùng, Nguyễn Thu Trang (5/1/2016), “Phát triển cộng đồng ở Việt Nam: Thực trạng và định hướng các cách tiếp cận trong bối cảnh mới”, *Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Địa lý nhân văn*, http://ihgeo.vass.gov.vn/noidung/tintucsukien/Lists/DiaLyDanCu/View_Detail.aspx?ItemID=39.
- [15]. Trương Văn Tuyên (2007), *Giáo trình phát triển cộng đồng - lý luận và ứng dụng trong PTNT*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- [16]. Bùi Đình Thanh (2015), “Về khái niệm phát triển”, *Viện Nghiên cứu Truyền thông và Phát triển*, <http://tadri.org/vi/news/Tin-tuc/VE-KHAI-NIEM-PHAT-TRIEN-199/>.
- [17]. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định phê duyệt đề án Phát triển nghề CTXH giai đoạn 2010-2020*, số 32/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/03/2010.
- [18]. Trần Thị Kim Xuyên (chủ biên) (2010), *Phát triển cộng đồng - từ lý thuyết đến thực hành*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

SOCIAL WORK ROLE IN VIETNAM’S CURRENT RURAL DEVELOPMENT**Summary**

This article presents the concept, demand, standpoint and application of social work in rural development. Thereby, it helps provide the theoretical background for social work in rural development, forming the foundation for social work education and application in Vietnam’s rural development in the coming years.

Keywords: Social work, rural development, Vietnam.

Ngày nhận bài: 13/2/2017; Ngày nhận lại: 17/4/2017; Ngày duyệt đăng: 26/7/2017.